

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.
2. Ông Bùi Tấn Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị C, sinh năm 1996. Nơi đăng ký HKTT: Ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở hiện nay: Ấp Phú Nông, xã Phú Hiệp, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn Minh H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2022, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, chị Phạm Thị C, trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do mai mối. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình nhà chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không còn hạnh phúc

nữa, do không hòa thuận về tiền bạc, anh H không đi làm để chăm lo cho vợ mà thường xuyên uống rượu, chị khuyên nhủ anh H nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng chị không còn sống chung từ đầu năm 2018, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở T sinh sống. Từ lúc không còn sống chung từ vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H vì tình cảm không còn. Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị cũng không có mang thai. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh Võ Văn Minh H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng anh H vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Phạm Thị C được ly hôn với anh Võ Văn Minh H. Về việc nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Điều không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn Minh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Võ Văn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị C và anh Võ Văn Minh H được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 8 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Xét, yêu cầu của chị C là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa chị C và anh H phát sinh mâu thuẫn gia đình là có thật. Chị C và anh H không còn

sống chung từ năm 2018 đến nay vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh H đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa tổng cộng 4 lần nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị C và anh H không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị C được ly hôn với anh Võ Văn Minh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị Phạm Thị C chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị C. Cho chị Phạm Thị C được ly hôn với anh Võ Văn Minh H.

2. Về con chung, tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị C chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003901 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú